

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 9 – 2019
V/v tranh chấp HNGĐ
Ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Mai Hương
2. Ông Phạm Phước Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 448/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bạch Hồng Ph, sinh năm 1991

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Số 55A, ấp M, xã Th, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Lê Quốc Tr, sinh năm 1983

Địa chỉ: Tổ 2, ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Tổ 1, ấp 1, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Ph, anh Tr có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm Bạch Hồng Ph là nguyên đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ph và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, cấp ngày 27/5/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Thời gian sau, chị Ph và anh Tr xảy ra nhiều

mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, anh Tr thường hay đánh chị Ph. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị Ph yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Quốc Tr.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009 và Lê Bạch Quốc Kh, sinh ngày 26/3/2015. Hiện hai con chung đang sống cùng chị Ph. Khi ly hôn, chị Ph yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Lê Bạch Quốc K và Lê Bạch Quốc Kh, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Lê Quốc Tr là bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Tr thừa nhận lời trình bày của chị Ph về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Tuy nhiên, mâu thuẫn phát sinh chưa trầm trọng, vợ chồng cự cãi trong lúc nóng giận. Anh còn thương vợ con, mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, không đồng ý ly hôn với chị Bạch Hồng Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009 và Lê Bạch Quốc Kh, sinh ngày 26/3/2015. Hiện nay, Quốc K đang sống với anh Tr và Quốc Kh đang sống với chị Ph. Khi ly hôn, anh Tr yêu cầu nuôi hai con chung là tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009 và Lê Bạch Quốc Kh, sinh ngày 26/3/2015. Không yêu cầu chị Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:

- 01 Giấy chứng minh nhân dân tên Bạch Hồng Ph (Photo);
- 01 Sổ hộ khẩu tên chủ hộ Lê Quốc Tr (Photo);
- 01 Giấy khai sinh tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009 (Bản sao);
- 01 Trích lục khai sinh tên Lê Bạch Quốc Kh, sinh ngày 26/3/2015 (Bản sao)
- 01 Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính).

Các đương sự thống nhất các tài liệu trong hồ sơ là đúng theo biên bản phiên họp tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 20/8/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là chị Bạch Hồng Ph có đơn yêu cầu được ly hôn, nuôi con với anh Lê Quốc Tr. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là “*Tranh chấp hôn nhân gia đình ly hôn, nuôi con*”.

Anh Lê Quốc Tr là bị đơn trong vụ kiện có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph yêu cầu ly hôn với anh Tr, anh Tr không đồng ý ly hôn với chị Ph.

Chị Ph và anh Tr chung sống với nhau từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, cấp ngày 27/5/2009, do đó hôn nhân giữa chị Ph và anh Tr là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, chị Ph và anh Tr xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, cả hai bên đều không có sự tin tưởng về tình cảm, luôn nghi ngờ lẫn nhau. Khi mâu thuẫn phát sinh anh Tr có hành vi đánh chị Ph. Chị Ph và anh Tr không còn chung sống với nhau từ tháng 6 năm 2019 đến nay, hai bên không có hàn gắn tình cảm. Chị Ph hiện đang sống và làm việc tại Vĩnh Long, anh Tr thì đang sống và làm việc tại huyện C, tỉnh Đồng Tháp, dẫn đến việc hàn gắn tình cảm gặp khó khăn. Mặc dù anh Tr không đồng ý ly hôn nhưng không có hành động hay đưa ra được biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở để xác định hôn nhân giữa chị Ph và anh Tr đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Ph.

- Về con chung: Chị Bạch Hồng Ph và anh Lê Quốc Tr đều yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Xét từ khi chị Ph, anh Tr sống xa nhau đến nay, chị Ph là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bạch Quốc Kh, anh Tr là người trực tiếp nuôi con chung tên Lê Bạch Quốc K; Quốc K và Quốc Kh đã đi học ổn định. Cả chị Ph và anh Tr không về chăm sóc con chung còn lại cũng như không chu cấp chi phí để nuôi con. Bên cạnh đó, tại văn bản ghi ý kiến ngày 20/8/2019, Quốc K có nguyện vọng được chung sống với anh Tr. Do đó, giao con chung tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009 cho anh Tr và giao con chung là Lê Bạch Quốc Kh cho chị Ph tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật

hôn nhân và gia đình. Chị Ph, anh Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu.

Chị Bạch Hồng Ph và anh Lê Quốc Tr được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Ph và anh Tr có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ph và anh Tr cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bạch Hồng Ph phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Bạch Hồng Ph.

- Về hôn nhân: Chị Bạch Hồng Ph được ly hôn với anh Lê Quốc Tr.

- Về con chung: Chị Bạch Hồng Ph được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Bạch Quốc Kh, sinh ngày 26/3/2015. Anh Lê Quốc Tr không phải cấp dưỡng nuôi do chị Bạch Hồng Ph không có yêu cầu.

Anh Lê Quốc Tr được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Bạch Quốc K, sinh ngày 04/8/2009. Chị Bạch Hồng Ph không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Lê Quốc Tr không có yêu cầu.

Chị Bạch Hồng Ph và anh Lê Quốc Tr được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Chị Ph và anh Tr có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Ph và anh Tr cùng trình bày không có thiếu nợ ai, cũng không cho ai nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Bạch Hồng Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003115 ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị Ph đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS HCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Minh